

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Bản án số: 134/2025/DS-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v “tranh chấp về thừa kế tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang T.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Hồ Đắc M.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí M.

- **Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 630/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc “tranh chấp thừa kế về tài sản” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Thanh Ng, sinh năm 1984; địa chỉ: Tô 4, khu phố 4, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Phan Thanh S, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Thanh M, sinh năm 1979 ; địa chỉ: Ấp Bờ Càng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Vắng mặt

2. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

6. Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M. Có đơn xin vắng mặt

7. Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 18, thành phố Hồ Chí M; địa chỉ: Khu phố 2, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí M. Có mặt

NỘI D VU ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ng trình bày:* Bà Nguyễn Thị Hân, sinh năm 1945 (chết ngày 21/01/2006) và ông Phan Văn Sơn, sinh năm 1942 (chết ngày 13/8/2020) là vợ chồng, có với nhau 04 người con gồm: Phan Thanh M, sinh năm 1979 (đã mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc Dân sự số 08/2021/QĐST-VDS ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng), ông Phan Thanh S, sinh năm 1977, ông Phan Thanh T, sinh năm 1981 và bà là Phan Thị Thanh Ng, sinh năm 1984. Bà Nguyễn Thị Hân có 02 người con riêng là bà Trần Thị H, sinh năm 1967 và bà Trần Thị L, sinh năm 1969. Cha mẹ của ông Phan Văn Sơn là ông Phan Văn Hứng, sinh năm 1911 (chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử) và bà Phạm Thị Nhòng, sinh năm 1920 (chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử). Cha mẹ của bà Nguyễn Thị Hân là ông Nguyễn Văn Bính, sinh năm 1930 (chết trước năm 1969, không có giấy chứng tử) và bà Hồ Thị Cầu, sinh năm 1920 (chết trước năm 1976, không có giấy chứng tử). Ngoài ra thì bà Nguyễn Thị Hân và ông Phan Văn Sơn không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Trong quá trình chung sống thì ông Phan Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hân có tạo dựng được tài sản chung là phần đất có diện tích $6.727m^2$ (đo đạc thực tế là $5.389,3m^2$) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 566929 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Phan Văn Sơn vào ngày 07/7/2008, phần đất tọa lạc tại ấp Hóc Măng, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (Nay là xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M). Tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng $150m^2$. Trước khi chết thì ông Sơn và bà Hân không để lại di chúc cho ai. Do các anh em trong nhà không tự chia thừa kế được. Nay bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do cha mẹ là ông Phan Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hân để lại theo quy định pháp luật đối với phần đất có diện tích $6.727m^2$ (đo đạc thực tế là $5.389,3m^2$) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 566929 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Phan Văn Sơn vào ngày 07/7/2008, phần đất tọa lạc tại ấp Hóc Măng, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích $150m^2$ cho 06 người thừa kế gồm: Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng, Trần Thị H và Trần Thị L.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông S trình bày:* Ông S hoàn toàn thống nhất với lời trình

bày của nguyên đơn hệ quan hệ huyết thống, anh chị em trong nhà. Trong quá trình chung sống thì ông Phan Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hân có tạo dựng được tài sản chung là phần đất có diện tích $6.727m^2$ (đo đạc thực tế là $5.389,3m^2$) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 566929 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Phan Văn Sơn vào ngày 07/7/2008, phần đất tọa lạc tại ấp Hốc Măng, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng $150m^2$. Trước khi chết thì ông Sơn và bà Hân không để lại di chúc cho ai. Do các anh em trong nhà không tự chia thừa kế được. Nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế do ông Phan Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Hân để lại theo quy định pháp luật đối với phần đất có diện tích $6.727m^2$ (đo đạc thực tế là $5.389,3m^2$) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23 và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng $150m^2$ cho 06 người thừa kế gồm: Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng, Trần Thị H và Trần Thị L. Ông S đồng ý giao toàn bộ thửa đất và nhà cho bà Phan Thị Thanh Ng quản lý, sử dụng và yêu cầu bà Ng phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị bằng tiền cho ông S.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, bà L, ông T thống nhất trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, không có ý kiến gì khác.

- *Tại đơn xin vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày:* Hiện nay, ông M còn thiếu bà D số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và Phòng thi hành án dân sự khu vực 18 đang thụ lý giải quyết. Bà D yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V trình bày:* Hiện nay, ông M còn thiếu ông V số tiền 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng) và Phòng thi hành án dân sự khu vực 18 đang thụ lý giải quyết. Ông V yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Tại Công văn số 533/THADS ngày 05/9/2025 và tại phiên tòa, Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 thể hiện:* Thống nhất với lời trình bày của các đương sự trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội D vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí M theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M đã bị tuyên bố mất tích, bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Quá trình tố tụng và Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu giải quyết phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.389,3m².

[4] Về nội D tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất:

- Về di sản thừa kế: nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 6.727m² (đo đạc thực tế là 5.389,3m²) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 566929 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Phan Văn Sơn vào ngày 07/7/2008, phần đất tọa lạc tại ấp Hóc Măng, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 150m² là tài sản chung và là di sản thừa kế của ông Phan Văn Sơn bà Nguyễn Thị Hận.

- Về hàng thừa kế: Bà Nguyễn Thị Hân, sinh năm 1945 (chết ngày 21/01/2006) và ông Phan Văn Sơn, sinh năm 1942 (chết ngày 13/8/2020) là vợ chồng, có với nhau 04 người con gồm: Phan Thanh M, sinh năm 1979 (đã mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc Dân sự số 08/2021/QĐST-VDS ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng), Phan Thanh S, sinh năm 1977, Phan Thanh T, sinh năm 1981 và Phan Thị Thanh Ng, sinh năm 1984. Bà Nguyễn Thị Hân có 02 người con riêng là Trần Thị H, sinh năm 1967 và Trần Thị L, sinh năm 1969. Cha mẹ của ông Phan Văn Sơn là ông Phan Văn Hứng, sinh năm 1911 (chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử) và bà Phạm Thị Nhòng, sinh năm 1920 (chết trước năm 1975, không có giấy chứng tử). Cha mẹ của bà Nguyễn Thị Hân là ông Nguyễn Văn Bính, sinh năm 1930 (chết trước năm 1969, không có giấy chứng tử) và bà Hồ Thị Cầu, sinh năm 1920 (chết trước năm 1976, không có giấy chứng tử). Ngoài ra thì bà Nguyễn Thị Hân và ông Phan Văn Sơn không có người con riêng hay con nuôi nào khác. Khi ông Sơn và bà Hận chết, không để lại di chúc. Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Sơn và bà Hân theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 6 người là: Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng, Trần Thị H, và Trần Thị L là có căn cứ. Các đương sự đều thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận chia di sản thừa kế của ông Sơn cho 04 người là hàng thừa kế của ông Sơn là Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng; chia di sản thừa kế

của bà Hân cho 06 người là hàng thừa kế của bà Hân là Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng, Trần Thị H, và Trần Thị L theo quy định pháp luật cho 06 kỹ phần như nguyên đơn yêu cầu theo quy định các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại biên bản định giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng xác định phần đất tranh chấp diện tích 6.727m^2 (đo đạc thực tế là $5.389,3\text{m}^2$) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23 (bao gồm 150m^2 thổ cư) và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 150m^2 có giá là 350.000 đồng/ m^2 và nhà có giá là 1.500.000 đồng/ m^2 . Phần đất tranh chấp có tổng giá trị là 1.886.255.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi năm ngàn đồng) và nhà có giá trị là 255.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng giá trị di sản thừa kế là 2.141.255.000 đồng (hai tỷ một trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Theo đó tài sản của ông Sơn và bà Hân mỗi người có giá trị là 1.070.627.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Như vậy, phần di sản của ông Sơn được chia cho 04 kỹ phần bằng nhau cho 04 người là Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng có giá trị tương ứng là 267.656.875 đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Phần di sản của bà Hân được chia cho 06 kỹ phần bằng nhau cho 04 người là Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T, Phan Thị Thanh Ng, Trần Thị H, và Trần Thị L có giá trị tương ứng là 178.437.833 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi ba đồng). Sau khi chia di sản của ông Sơn và bà Hân thì bà Ng phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho Phan Thanh M, Phan Thanh S, Phan Thanh T mỗi người với số tiền là 446.094.708 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm lẻ tám đồng); bà Ng phải có nghĩa vụ thanh toán lại Trần Thị H, và Trần Thị L có giá trị tương ứng là 178.437.833 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

Xét thấy, hiện nay các đồng thừa kế là ông S, ông T, bà H và bà L yêu cầu nhận di sản thừa kế nhưng đồng ý để bà Ng quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (trong đó có 01 ngôi mộ của bà Phan Thị Ngọc Nguyên và 02 cháu sinh đôi là Phan Anh và Phan Em các đương sự không ai có ý kiến gì và tự nguyện đồng ý để bà Ng trong coi, bà Ng đồng ý) và yêu cầu bà Ng thanh toán lại giá trị kỹ phần nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Quan điểm về nội D vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 tại phiên tòa là có căn cứ.

[7] Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản 4.355.926 đồng (bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi sáu đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên các đồng thừa kế mỗi người phải chịu số tiền là 725.987 đồng (bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Ng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. Do bà Hoa là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 217, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Ng đối với bị đơn ông Phan Thanh S về việc “tranh chấp về thừa kế về tài sản”.

- Giao cho bà Phan Thị Thanh Ng được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 6.727m² (đo đạc thực tế là 5.389,3m²) thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, phần đất tọa lạc tại ấp Hốc Măng, xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là ấp Hốc Măng, xã Long Hòa, thành phố Hồ Chí M), tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 150m². Phần đất có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp Lô cao su Nông trường.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 288.

+ Phía Đông giáp thửa đất số 258.

+ Phía Tây giáp đường Lô Cao su.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Buộc bà Phan Thị Thanh Ng phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế là ông Phan Thanh S, ông Phan Thanh M, Phan Thanh T mỗi kỳ phần với số tiền là 446.094.708 đồng (bốn trăm bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm lẻ tám đồng)

- Buộc bà Phan Thị Thanh Ng phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế là bà Trần Thị H và bà Trần Thị L mỗi kỳ phần với số tiền là 178.437.833 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Buộc ông Phan Thanh S, ông Phan Thanh M, Phan Thanh T, bà Trần Thị H và bà Trần Thị L mỗi người phải nộp lại số tiền 725.987 đồng (bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Thanh Ng, ông Phan Thanh S, ông Phan Thanh M, Phan Thanh T mỗi người phải nộp số tiền 21.843.788 đồng (hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi tám đồng). Buộc bà Trần Thị H và bà Trần Thị L mỗi người phải nộp lại số tiền 8.921.892 đồng (tám triệu chín trăm hai mươi một ngàn tám trăm chín mươi hai đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí M;
- VKSND KV 18, TP Hồ Chí M;
- Phòng THADS KV 18, TP Hồ Chí M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Trần Quang T

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Kim Phi Hồ Đắc M

Trần Quang T

